HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 45/2026/NQ-HĐND	*Thành phố Huế, ngày 04 tháng 11 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo các ngành, nghề, chuyên ngành nghệ thuật di sản, truyền thống đặc thù của Huế; hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên và giảng viên, giáo viên đạt thành tích tại các hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật cấp thành phố, quốc gia và quốc tế

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 215/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể;

Căn cứ Nghị định số 308/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;

Xét Tờ trình số 15831/TTr-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo các ngành, nghề, chuyên ngành nghệ thuật di sản, truyền thống đặc thù của Huế; hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên và giảng viên, giáo viên đạt thành tích tại các hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật cấp tỉnh, quốc gia và quốc tế; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đào tạo các ngành, nghề, chuyên ngành nghệ thuật di sản, truyền thống đặc thù của Huế; hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên và giảng viên, giáo viên đạt thành tích tại các hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật cấp thành phố, quốc gia và quốc tế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ đào tạo các ngành, nghề, chuyên ngành nghệ thuật di sản, truyền thống đặc thù của Huế (gồm: Nghệ thuật biểu diễn

Dân ca Huế, Nghệ thuật biểu diễn Ca kịch Huế, Nghệ thuật biểu diễn Tuồng Huế, Nhạc công truyền thống Huế, Nhã nhạc, Đàn - Hát ca Huế); hỗ trợ thành tích và kinh phí tham gia hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật cấp tỉnh, quốc gia và quốc tế.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở đào tạo văn hóa, nghệ thuật trên địa bàn thành phố Huế.

b) Thí sinh đăng ký dự thi tuyển sinh năng khiếu; học sinh, sinh viên theo học các ngành, nghề, chuyên ngành nghệ thuật di sản, truyền thống đặc thù của Huế tại các cơ cở đào tạo quy định tại điểm a khoản này.

c) Nghệ nhân, nghệ sĩ, giảng viên, giáo viên được các cơ sở đào tạo quy định tại điểm a khoản này mời hoặc ký kết hợp đồng giảng dạy, truyền nghề các ngành, nghề, chuyên ngành nghệ thuật di sản, truyền thống đặc thù của Huế.

d) Tập thể, cán bộ quản lý, giảng viên, giáo viên, học sinh, sinh viên của các cơ sở đào tạo quy định tại điểm a khoản này được cấp có thẩm quyền cử tham gia hoặc đạt thành tích tại các cuộc thi, hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật cấp thành phố, quốc gia và quốc tế.

đ) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện chính sách quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Chính sách hỗ trợ kinh phí tuyển sinh năng khiếu các ngành, nghề, chuyên ngành nghệ thuật di sản, truyền thống đặc thù của Huế

1. Cơ sở đào tạo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này được hỗ trợ một lần kinh phí thực hiện công tác tuyển sinh đối với các ngành, nghề, chuyên ngành nghệ thuật di sản, truyền thống đặc thù của Huế với mức 1.000.000 đồng/thí sinh trúng tuyển.

Kinh phí hỗ trợ được sử dụng để thực hiện công tác tuyển sinh, gồm: Thông tin, truyền thông, quảng bá tuyển sinh; tìm kiếm, phát hiện, sơ tuyển năng khiếu tại thành phố Huế và các tỉnh, thành phố thuộc khu vực miền Trung; tổ chức các kỳ thi tuyển năng khiếu theo kế hoạch tuyển sinh hằng năm của cơ sở đào tạo và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Thí sinh đăng ký dự thi năng khiếu vào các ngành, nghề, chuyên ngành nghệ thuật di sản, truyền thống đặc thù của Huế được hỗ trợ 100% khoản thu dự thi tuyển sinh năng khiếu theo mức thu do cơ sở đào tạo quy định theo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật. Không hỗ trợ trùng khoản thu dự thi tuyển sinh năng khiếu đã được ngân sách nhà nước hoặc nguồn kinh phí khác chi trả.

Điều 3. Chính sách hỗ trợ học bổng khuyến khích tài năng nghệ thuật đối với học sinh, sinh viên các ngành, nghề, chuyên ngành nghệ thuật di sản, truyền thống đặc thù của Huế

1. Học bổng khuyến khích tài năng nghệ thuật

a) Học sinh, sinh viên có kết quả học tập, rèn luyện đạt loại giỏi trở lên, đồng thời có điểm môn chuyên ngành trong học kỳ xét cấp học bổng đạt từ 8,5 điểm trở lên, được hỗ trợ học bổng bằng 03 lần mức học phí làm căn cứ tính học bổng/học sinh, sinh viên/tháng.

b) Học sinh, sinh viên đạt giải (Ba, C, Đồng) cấp quốc gia được hỗ trợ học bổng bằng 03 lần mức học phí làm căn cứ tính học bổng/học sinh, sinh viên/tháng.

c) Học sinh, sinh viên đạt giải (Nhì, B, Bạc) cấp quốc gia được hỗ trợ học bổng bằng 04 lần mức học phí làm căn cứ tính học bổng/học sinh, sinh viên/tháng.

d) Học sinh, sinh viên đạt giải (Nhất, A, Vàng) cấp quốc gia được hỗ trợ học bổng bằng 05 lần mức học phí làm căn cứ tính học bổng/học sinh, sinh viên/tháng.

đ) Học sinh, sinh viên đạt giải cấp quốc tế được hỗ trợ học bổng bằng 02 lần mức học bổng tương ứng với giải đạt được ở cấp quốc gia quy định tại các điểm b, c và d khoản này.

2. Thời gian hưởng

a) Đối với học sinh, sinh viên quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được xét hỗ trợ học bổng theo từng học kỳ, mỗi học kỳ không quá 05 tháng.

b) Đối với học sinh, sinh viên quy định tại điểm b khoản 1 Điều này được xét hỗ trợ học bổng kể từ tháng liền kề sau tháng quyết định công nhận đạt giải, thời gian hỗ trợ học bổng tối đa không quá 05 tháng.

c) Đối với học sinh, sinh viên quy định tại điểm c khoản 1 Điều này được xét hỗ trợ học bổng kể từ tháng liền kề sau tháng quyết định công nhận đạt giải, thời gian hỗ trợ học bổng tối đa không quá 10 tháng.

d) Đối với học sinh, sinh viên quy định tại điểm d khoản 1 Điều này được xét hỗ trợ học bổng kể từ tháng liền kề sau tháng quyết định công nhận đạt giải, thời gian hỗ trợ học bổng tối đa không quá 15 tháng.

đ) Đối với học sinh, sinh viên quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này được xét hỗ trợ học bổng kể từ tháng liền kề sau tháng quyết định công nhận đạt giải, thời gian hỗ trợ học bổng tối đa không quá 20 tháng.

e) Trường hợp học sinh, sinh viên đồng thời thuộc nhiều trường hợp được hưởng học bổng quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều này thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ học bổng cao nhất. Trong thời gian đang được hưởng hỗ trợ học bổng, nếu học sinh, sinh viên đạt thành tích có mức hỗ trợ học bổng cao hơn thì được hưởng mức hỗ trợ học bổng cao hơn kể từ tháng liền kề sau tháng quyết định công nhận đạt giải; thời gian đã được hưởng hỗ trợ học bổng trước thời điểm chuyển sang mức hỗ trợ học bổng cao hơn được tính vào thời gian hỗ trợ tối đa quy định đối với thành tích có mức hỗ trợ cao hơn. Thời gian hưởng học bổng được tính theo số tháng học tập thực tế trong thời gian còn lại của chương trình đào tạo; không chi trả học bổng trong thời gian người học tạm dừng học hoặc sau khi thôi học, hoàn thành chương trình đào tạo.

3. Mức học phí làm căn cứ tính học bổng là mức học phí hợp pháp áp dụng cho ngành, nghề, chuyên ngành và trình độ đào tạo của người học trong năm học xét hỗ trợ, không bao gồm các khoản thu dịch vụ khác. Học bổng quy định tại Điều này là chính sách hỗ trợ đặc thù của thành phố, không thay thế học bổng khuyến khích học tập theo quy định của pháp luật; việc chi trả không trùng với chính khoản hỗ trợ đặc thù này từ nguồn khác.

Điều 4. Hỗ trợ đối với nghệ nhân, nghệ sĩ, giảng viên, giáo viên được các cơ sở đào tạo mời giảng dạy, truyền nghề các ngành, nghề, chuyên ngành nghệ thuật truyền thống đặc thù của Huế

1. Cơ sở đào tạo văn hóa, nghệ thuật trên địa bàn thành phố Huế căn cứ chương trình, kế hoạch đào tạo và nhu cầu thực tế để mời nghệ nhân, nghệ sĩ, giảng viên, giáo viên đủ điều kiện tham gia thỉnh giảng, truyền nghề; hướng dẫn học sinh, sinh viên luyện tập, thực hành, biểu diễn.Việc mời thỉnh giảng, xác định tiêu chuẩn, điều kiện của người thỉnh giảng, giao kết và thực hiện hợp đồng thỉnh giảng, quản lý thời gian, khối lượng và chất lượng giảng dạy thực hiện theo Thông tư số 59/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về nhà giáo hợp đồng toàn thời gian sau khi nghỉ hưu và nhà giáo thỉnh giảng và các quy định pháp luật có liên quan.

Mức thù lao theo giờ giảng thực tế được cơ sở đào tạo xác nhận và theo chức danh của người được thỉnh giảng, cụ thể như sau:

a) Nghệ nhân nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân: 300.000 đồng/giờ giảng.

b) Nghệ nhân ưu tú, Nghệ sĩ ưu tú: 200.000 đồng/giờ giảng.

c) Nghệ nhân, nghệ sĩ, giảng viên, giáo viên: 100.000 đồng/giờ giảng.

d) Trường hợp giáo viên thỉnh giảng đồng thời thuộc nhiều đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản này thì chỉ được hưởng mức thù lao cao nhất.

2. Hỗ trợ chi phí đi lại, tiền thuê chỗ nghỉ và phụ cấp lưu trú

Người được mời thỉnh giảng, truyền nghề theo hợp đồng và kế hoạch đào tạo được hỗ trợ chi phí đi lại, thuê chỗ nghỉ và phụ cấp lưu trú (nếu phát sinh), trong phạm vi dự toán được giao và theo điều kiện thực tế. Điều kiện, mức chi và hồ sơ thanh toán áp dụng theo Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế trong phạm vi đối tượng, nội dung được phép áp dụng và các quy định pháp luật có liên quan. Không thanh toán trùng khoản đã được cơ quan, đơn vị hoặc nguồn khác chi trả.

Điều 5. Hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên đạt thành tích tại các hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật cấp thành phố, quốc gia, quốc tế

1. Hỗ trợ đối với cá nhân học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên trực tiếp tham gia và đạt thành tích tại các hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật *(sau đây viết tắt là cuộc thi)* do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền tổ chức:

a) Cuộc thi cấp quốc tế: Giải (Nhất, A, Vàng): 50.000.000 đồng; Giải (Nhì, B, Bạc): 35.000.000 đồng; Giải (Ba, C, Đồng): 20.000.000 đồng.

b) Cuộc thi cấp quốc gia: Giải (Nhất, A, Vàng): 25.000.000 đồng; Giải (Nhì, B, Bạc): 20.000.000 đồng; Giải (Ba, C, Đồng): 10.000.000 đồng.

c) Cuộc thi cấp thành phố: Giải (Nhất, A, Vàng): 8.000.000 đồng; Giải (Nhì, B, Bạc): 5.000.000 đồng; Giải (Ba, C, Đồng): 3.000.000 đồng.

2. Hỗ trợ đối với tập thể trực tiếp tham gia và đạt giải tại cuộc thi: Mức hỗ trợ cho một tập thể đối với một giải thưởng bằng 1,5 lần mức hỗ trợ giải thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này. Khoản hỗ trợ này được xác định cho tập thể đạt giải, không tính riêng cho từng thành viên của tập thể.

3. Hỗ trợ đối với giáo viên, giảng viên trực tiếp hướng dẫn học sinh, sinh viên đạt giải tại cuộc thi: Mức hỗ trợ cho toàn bộ giáo viên, giảng viên trực tiếp hướng dẫn theo quyết định phân công của cơ sở đào tạo đối với một giải thưởng bằng 50% mức hỗ trợ tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này nếu giải cá nhân, hoặc bằng 50% mức hỗ trợ tương ứng quy định tại khoản 2 Điều này nếu giải tập thể.

4. Nguyên tắc xác định và thực hiện hỗ trợ

a) Trường hợp cuộc thi có cách gọi tên giải thưởng khác với các giải thưởng quy định tại khoản 1 Điều này, cơ sở đào tạo căn cứ điều lệ, quy chế của cuộc thi và văn bản của cơ quan tổ chức xác định thứ hạng giải thưởng để đề xuất giải thưởng tương đương trong hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định hỗ trợ theo khoản 2 Điều 7 Nghị quyết này.

b) Đối với cùng một cá nhân hoặc tập thể, trong cùng một cuộc thi, nếu đạt nhiều giải thưởng thì chỉ xét hỗ trợ một giải có mức hỗ trợ cao nhất; trường hợp giải thưởng được công nhận cho tập thể thì thực hiện hỗ trợ theo khoản 2 Điều này, không đồng thời hỗ trợ từng thành viên theo khoản 1 Điều này đối với chính giải thưởng đó.

c) Giáo viên, giảng viên đồng thời trực tiếp dự thi và hướng dẫn học sinh, sinh viên đạt giải trong cùng một cuộc thi chỉ được hưởng một khoản hỗ trợ có mức cao nhất giữa hỗ trợ đối với người trực tiếp đạt giải quy định tại khoản 1 Điều này và hỗ trợ đối với người trực tiếp hướng dẫn quy định tại khoản 3 Điều này, đối với cùng một thành tích; không chi hỗ trợ hai lần cho cùng một thành tích.

d) Trường hợp có từ hai giáo viên, giảng viên trở lên cùng trực tiếp hướng dẫn học sinh, sinh viên đạt một giải thưởng, tổng mức hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều này được chia đều cho số giáo viên, giảng viên có tên trong quyết định phân công của cơ sở đào tạo.

đ) Trường hợp cùng một cá nhân, tập thể đồng thời đủ điều kiện hưởng hỗ trợ đối với cùng một thành tích đạt giải theo Điều này và theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế quy định chính sách hỗ trợ đối với nghệ sĩ, nghệ nhân; tác giả đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế về văn học nghệ thuật và Câu lạc bộ hoạt động trong lĩnh vực di sản văn hoá phi vật thể trên địa bàn thành phố Huế hoặc chính sách hỗ trợ khác từ ngân sách nhà nước thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất; không chi trả đồng thời các khoản hỗ trợ cho cùng một thành tích đạt giải. Trường hợp đã nhận mức hỗ trợ thấp hơn thì chỉ được hỗ trợ phần chênh lệch so với mức hỗ trợ cao nhất. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm rà soát, xác định khoản hỗ trợ đã được chi trả khi lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Điều 6. Hỗ trợ kinh phí tham gia hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật cấp thành phố, quốc gia, quốc tế

Các cơ sở đào tạo, học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên được cơ quan có thẩm quyền cử tham gia các hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật cấp thành phố, quốc gia và quốc tế được hỗ trợ chi phí đi lại, tiền ăn, tiền thuê chỗ nghỉ, chi phí thuê/mua sắm, vận chuyển đạo cụ, phục trang và các chi phí cần thiết khác phục vụ cho cuộc thi theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức của pháp luật hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cơ sở đào tạo tổng hợp kinh phí đề nghị hỗ trợ, không lập và thanh toán trùng cùng một nội dung chi cho cơ sở đào tạo và người được cử tham gia hoặc với khoản kinh phí đã được nguồn khác chi trả.

Điều 7. Hồ sơ, trình tự thủ tục hỗ trợ chính sách

1. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ chính sách

a) Chính sách hỗ trợ đào tạo, gồm:

- Tờ trình đề nghị hỗ trợ kinh phí của cơ sở đào tạo.

- Bảng dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ theo từng đối tượng thụ hưởng của chính sách, nội dung và mức hỗ trợ quy định tại Điều 2, Điều 3, Điều 4 Nghị quyết này của cơ sở đào tạo.

- Kế hoạch tuyển sinh; quyết định trúng tuyển kèm danh sách học sinh, sinh viên trúng tuyển.

- Kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo của năm học.

- Quyết định phân công giảng dạy; hợp đồng thỉnh giảng; bảng kê khối lượng giảng dạy thực tế có xác nhận của cơ sở đào tạo.

- Bảng điểm xếp loại học tập, rèn luyện của học kỳ liền kề trước thời điểm đề nghị hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên từ năm thứ hai trở đi; Quyết định khen thưởng học sinh, sinh viên xuất sắc, giỏi; Giấy chứng nhận hoặc Quyết định công nhận đạt giải thưởng (kèm theo chương trình, tiết mục đạt giải); quyết định cấp học bổng.

Thời hạn nộp hồ sơ: Chậm nhất 01 tháng kể từ ngày có quyết định cấp học bổng.

b) Chính sách hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên đạt thành tích tại các cuộc thi, gồm:

- Tờ trình đề nghị hỗ trợ kinh phí của cơ sở đào tạo.

- Bảng dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ theo từng đối tượng thụ hưởng của chính sách, nội dung và mức hỗ trợ quy định tại Điều 5 Nghị quyết này của cơ sở đào tạo.

- Quyết định cử học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên tham gia cuộc thi kèm danh sách người được cử tham gia;

- Quyết định phân công giáo viên, giảng viên trực tiếp hướng dẫn học sinh, sinh viên tham gia cuộc thi;

- Quyết định khen thưởng hoặc Giấy chứng nhận đạt giải thưởng (kèm chương trình, tiết mục đạt giải).

Thời hạn nộp hồ sơ: Chậm nhất 01 tháng kể từ ngày có Giấy chứng nhận hoặc Quyết định công nhận đạt giải thưởng.

c) Chính sách hỗ trợ kinh phí tham gia hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật cấp thành phố, quốc gia và quốc tế, gồm:

- Tờ trình đề nghị hỗ trợ kinh phí của cơ sở đào tạo.

- Bảng dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ theo từng nội dung và mức hỗ trợ quy định tại Điều 6 Nghị quyết này của cơ sở đào tạo.

- Thông báo, kế hoạch, điều lệ hoặc văn bản của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về việc tổ chức cuộc thi (bản sao).

- Kế hoạch tham gia cuộc thi của cơ sở đào tạo, kèm chương trình, tiết mục hoặc nội dung dự thi;

- Quyết định cử đoàn tham gia cuộc thi kèm danh sách học sinh, sinh viên, giáo viên, giảng viên được cử tham gia;

- Quyết định phân công giáo viên, giảng viên trực tiếp hướng dẫn học sinh, sinh viên tham gia cuộc thi.

Thời hạn nộp hồ sơ: Chậm nhất 01 tháng trước ngày tham gia cuộc thi. Trường hợp thư mời/quyết định cử tham gia cuộc thi ban hành muộn thì thời hạn nộp ngay sau khi có đủ thành phần hồ sơ.

2. Trình tự thủ tục giải quyết hỗ trợ chính sách

a) Cơ sở đào tạo đề nghị hỗ trợ chính sách quy định tại Điều 2, Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6 Nghị quyết này nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố (nộp trực tiếp hoặc qua Dịch vụ bưu chính công ích hoặc qua Cổng Dịch vụ công quốc gia).

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định hỗ trợ. Trường hợp hồ sơ đề nghị hỗ trợ không đủ điều kiện hỗ trợ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

3. Phí, lệ phí: Không.

Điều 8. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Nghị quyết được bố trí trong nguồn ngân sách sự nghiệp giáo dục và đào tạo, sự nghiệp văn hóa hằng năm của ngân sách thành phố. Việc lập dự toán, chấp hành dự toán và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 11 năm 2026.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Huế tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Huế khóa IX, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 4 thông qua ngày 04 tháng 11 năm 2026./.

Nơi nhận:
- Như Điều 10;
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố; UBMTTQVN thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- TT. HĐND, UBND các phường, xã;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Phạm Đức Tiến